

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2025/HC-PT
Ngày 08 tháng 9 năm 2025
V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi,
bồi thường”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: ông Phan Đức Phương

bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 515/2025/TLPT-HC ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 116/2024/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 730/2025/QĐPT ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số A N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số A N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Bùi Lan A, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số A N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: D đường C, phường R, thành phố V (nay là D đường C N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

2. Ông Trần Văn K, sinh năm 1986; Địa chỉ: E đường G, khu phố C, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là E đường G, khu phố C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố V (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường R, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà Trần Thị X – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường R (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Vũ Hoàng T – Phó Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường R (có mặt);

+ Bà Bạch Thị Hiệp V – Chuyên viên Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường R (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Văn T1, sinh năm 1966, bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số A N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số A N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

2. Ông Trịnh Văn T2, bà Nguyễn Thị T3; Địa chỉ: Số D N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là 4 N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

3. Ông Đào Hồng T4, sinh năm 1971, bà Trương Thị H4, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số A N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số A N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

4. Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số A N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số A N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

5. Bà Bùi Lan A, sinh năm 1978 và ông Phạm Xuân H2; Địa chỉ: Số A N, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là số A N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: D đường C, phường R, thành phố V (nay là D đường C N, phường R, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Văn N là bà Bùi Lan A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp thống nhất trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 04-4-2024, Đơn bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 16/8/2024, ông Bùi Văn N, khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố V, các nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Hủy bỏ một phần đối với Quyết định số 9042/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi 338,0m² đất do các ông (bà): Đào Văn T1 - Trinh Thị H3, Trinh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất), ông Bùi Văn N là người có liên quan đang sử dụng tại phường R để thực hiện dự án Trường Mầm non R, phường R, thành phố V: Hủy bỏ phần quyết định liên quan đến ông Bùi Văn N.

- Hủy bỏ một phần đối với Quyết định số 9061/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trinh Thị H1, Trinh Văn T2 – Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất) (ông Bùi Văn N là người có liên quan), Hủy bỏ phần quyết định liên quan đến ông Bùi Văn N.

- Đề nghị xác định lại vị trí đất đối với phần diện tích đất của gia đình ông quản lý sử dụng cụ thể là về vị trí 2 đường 4m trở lên N.

- Đề nghị UBND thành phố V hỗ trợ (đền bù) nhà và các công trình vật kiến trúc trên đất ở số A N, phường R, thành phố V.

- Đề nghị UBND thành phố V hỗ trợ, đền bù đất tái định cư cho gia đình ông Bùi Văn N hoặc cho gia đình ông được nhận tái định cư tại phường T hoặc tại những lô đất mà việc xây dựng trường mầm non R1 không sử dụng hết.

- Tăng mức bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất của người dân theo đúng quy định pháp luật.

- Hỗ trợ tiền thuê nhà 5 triệu đồng/tháng cho ông Bùi Văn N và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 05 tháng 9 năm 2024, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện xin rút yêu cầu khởi kiện như sau:

- Quyết định số 9042/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi 338,0m² đất do các ông (bà): Đào Văn T1 - Trinh Thị H1, Trinh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng Thanh Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất), ông Bùi Văn N là người có liên quan đang sử dụng tại phường R để thực hiện dự án Trường Mầm non R, phường R, thành phố V: Hủy bỏ phần quyết định liên quan đến ông Bùi Văn N là người liên quan.

Người khởi kiện xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Hủy bỏ một phần đối với Quyết định số 9061/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trinh Thị H1, Trinh Văn

T2 – Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất) (ông Bùi Văn N là người có liên quan), hủy bỏ phần quyết định liên quan đến Bùi Văn N. Cụ thể hủy mục a Điều 1 liên quan đến đơn giá nông nghiệp và đơn giá đất ở; xác định vị trí đất thu hồi theo đường loại 3, vị trí 3 của đường N.

- Yêu cầu UBND thành phố V bồi thường về nhà và vật kiến trúc trên đất khi thu hồi đất của ông N.

- Buộc UBND thành phố V hỗ trợ 5.000.000đ/tháng cho ông Nguyễn D bị giải tỏa mất nhà, không còn nơi để ở.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V giao 01 lô đất ở mới cho ông N.

Lý do yêu cầu khởi kiện như sau:

Về nguồn gốc quá trình sử dụng đất bị thu hồi: Vào năm 2007, vợ chồng ông là Phạm Xuân H2 và Bùi Lan A nhận chuyển nhượng bằng giấy tờ viết tay của ông Đào Văn T1 và bà Trịnh Thị H1 diện tích đất 95m². Đến năm 2008, gia đình ông H2 xây dựng ngôi nhà với diện tích 50m² trên toàn bộ diện tích đất hiện đang bị thu hồi, đối với phần diện tích đất còn lại 45m² và nhà trên đất thì ông H2, bà Lan A đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn N (là em trai của bà Bùi Lan A) bằng hình thức viết Giấy cho tặng nhà ngày 22/10/2009, đất tọa lạc tại số nhà A N, phường R, thành phố V. Sau đó ông Nguyễn Ở trên đất và có đi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 1 N, phường R, thành phố V.

Ngày 07/4/2010, UBND phường có giấy xác nhận nhà ở trên đất cho ông Bùi Văn N là người nhận chuyển nhượng đất của ông H2, bà Bùi Lan A Anh.

Ngày 14/11/2013, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa đồng sở hữu. Tại thời điểm cấp giấy đất không bị quy hoạch và ông N đã sinh sống ổn định trên đất.

Quyết định số 9042/QĐ-UBND và Quyết định 9061/QĐ-UBND đối với gia đình ông là trái pháp luật và đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của ông và cộng đồng dân cư nơi đây.

Thứ nhất, Quyết định số 9061/QĐ-UBND xác định 45m² thuộc thửa 04 của gia đình tôi (tờ bản đồ thu hồi đất) là đất nông nghiệp để xác định giá đền bù là chưa phù hợp với thực tế.

Gia đình ông N đã sinh sống ổn định trên đất nay thu hồi không có nơi ở nào khác.

Thứ hai, Quyết định số 9061/QĐ-UBND ghi nhận giá bồi thường đất quá thấp so với thực tế. Việc Ủy ban nhân dân Thành phố V nhận định đất của gia đình ông Nguyễn N1 tặng cho lại đất của ông H2, bà Lan A là đất nông nghiệp chưa phù hợp với thực tế (như đã phân tích ở trên), và việc xác định đơn giá bồi thường của Ủy ban nhân dân Thành phố V cũng chưa đúng theo quy định của pháp luật. Khi tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thì cần căn cứ vào

giá đất cụ thể do Ủy ban dân dân tỉnh quyết định. Khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai 2013 cũng quy định rõ việc xác định giá đất vụ thể phải dựa trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; áp dụng phương pháp định giá phù hợp. Căn cứ theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định 9061/QĐ-UBND thì ông Nguyễn K1 được bồi thường nhà, vật kiến trúc trên đất. Trong khi đó, ông Nguyễn Đ Ủy ban nhân dân phường R xác nhận ngày 07/4/2010 là đã “có nhà ở ổn định” và thời gian xây nhà cũng sau năm 2010. Đây là chỗ ở và là bất động sản duy nhất, có giá trị nhất của ông N.

Điều 88 Luật Đất đai 2013 ghi nhận chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường. Điều 89 Luật Đất đai quy định *“đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với sinh hoạt... khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương”*. Tất cả các thiệt hại phải được quy về bồi thường, bởi thế, rất mong Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố V xem xét giải quyết bồi thường theo nguyên tắc xác định thiệt hại.

Thứ tư, Quyết định 9061/QĐ-UBND không hỗ trợ chính sách tái định cư cho ông N. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013 thì các khoản hỗ trợ tái định cư bao gồm: Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân...mà phải di chuyển chỗ ở. Nhà nước đã thu hồi đất ở - nơi mà ông Nguyễn sinh S ổn định suốt thời gian qua. Ông N đã cư trú trực tiếp, ổn định tại thành phố V, nay Nhà nước thu hồi đất, ông Nguyễn R mong được hỗ trợ giao cho một lô đất ở mới.

Từ những trình bày trên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

2. Ủy ban nhân dân thành phố V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V thống nhất trình bày:

Tại Văn bản số 6133/UBND-PTQĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm người bị kiện trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết cụ thể như sau:

UBND thành phố V nhận được Thông báo số 106/2024/TLST- HC ngày 09/04/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc thụ lý vụ án hành chính trong vụ án của ông Bùi Văn N khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường, tái định cư thuộc dự án Trường Mầm non R1 tại phường R, thành phố V. Ông Bùi Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ bỏ một phần đối với Quyết định số 9042/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thành phố V về việc thu hồi 338m² đất do các ông (bà)

Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, Trịnh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất), ông Bùi Văn N là người có liên quan sử dụng đất tại phường R để thực hiện dự án Trường Mầm non R, phường R, thành phố V: Huỷ bỏ phần quyết định liên quan đến Bùi Văn N.

- Huỷ bỏ một phần đối với Quyết định số 9061/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, Trịnh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất), (ông Bùi Văn N là người có liên quan); Huỷ bỏ phần quyết định liên quan đến Bùi Văn N.

- Đề nghị UBND thành phố V hỗ trợ (đền bù) nhà và các công trình vật kiến trúc trên đất ở số A N, phường R, thành phố V.

- Đề nghị UBND thành phố V hỗ trợ (đền bù) đất tái định cư cho gia đình ông Bùi Văn N hoặc cho gia đình ông được nhận đất tái định cư thuộc phường T hoặc cấp tái định cư cho gia đình ông tại những lô đất mà việc xây dựng Trường Mầm non R1 không sử dụng hết.

- Đề nghị UBND thành phố V xác định lại vị trí đất đối với phần diện tích đất của gia đình ông quản lý sử dụng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vị trí 2 đường 4m trở lên.

- Tăng mức bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất của người dân theo tinh thần đảm bảo dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời, đúng quy định của pháp luật và đúng tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Hỗ trợ tiền thuê nhà 5 triệu đồng/tháng cho gia đình ông Bùi Văn N và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử người khởi kiện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy quyết định 9042 và xác định, sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện còn lại như sau:

- Hủy bỏ một phần đối với Quyết định số 9061/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, Trịnh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất) (ông Bùi Văn N là người có liên quan), Hủy bỏ phần quyết định liên quan đến Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A. Cụ thể hủy mục a Điều 1 liên quan đến đơn giá nông nghiệp và đơn giá đất ở; xác định vị trí đất thu hồi theo đường loại 3, vị trí 3 của đường N.

- Đề nghị UBND thành phố V hỗ trợ đền bù nhà và các công trình vật kiến trúc trên đất ở số A N, phường R, thành phố V.

- Buộc UBND thành phố V hỗ trợ 5.000.000đ/tháng cho ông Nguyễn D bị giải tỏa mất nhà, không còn nơi để ở.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V giao 01 lô đất ở cho ông N.

Xét Báo cáo số 1997/BC-PTQĐ ngày 29/5/2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V; UBND thành phố V cung cấp tài liệu, chứng cứ và có ý kiến quan điểm giải quyết đối với đơn khởi kiện của ông (bà) Bùi Văn N, cụ thể như sau:

Về quan điểm giải quyết vụ việc:

1. Nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất:

Đất đã được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ số BN 701886 đến số BN 701890 ngày 14/11/2013 thuộc thửa đất số 261, tờ bản đồ số 16 với diện tích 338,0m² đất trồng cây hàng năm khác cho ông Vũ Văn T6 - Phạm Thị T5; Phạm Xuân H2 - B; Đào Hồng T4 - Trương Thị H4Hạnh; Trịnh Văn T2 - Nguyễn Thị T3; Đào Văn B - Bùi Thị N2 (cùng dụng đất) cho Bùi Văn N.

Đến ngày 17/4/2014, ông (bà) Đào Văn B Bùi Thị N2 chuyển nhượng lại cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V xác nhận.

Ngày 22/10/2009, ông Phạm Xuân H2 chuyển nhượng một phần diện tích khoảng 45m² cho ông Bùi Văn N bằng hình thức tặng cho giấy viết tay.

Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, trên đất có nhà, vật kiến trúc do ông Bùi Văn N sử dụng.

2. Quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết đơn của công dân khi Nhà nước thu hồi đất:

Ngày 26/12/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 9042/QĐ-UBND về việc thu hồi 338,0m² đất do ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, Trịnh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất) (ông Bùi Văn N là người có liên quan) đang sử dụng tại phường R để thực hiện dự án Trường Mầm non R, phường R, thành phố V.

Ngày 26/12/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 9061/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, Trịnh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất) (ông Bùi Văn N là người có liên quan), địa chỉ: 19/16 + 19/14 + 19/18 + 19/12 + 1 N,

phường R, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trường Mầm non R, phường R, thành phố V với nội dung như sau:

+ Bồi thường diện tích 338m² đất thu hồi theo giá đất nông nghiệp (Vị trí 3: 158,5m²; Vị trí 4: 179,5m² - đường N);

+ Không hỗ trợ toàn bộ nhà, vật kiến trúc trên đất thu hồi do các ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1; Đào Hồng T4 - Trương Thị H4; Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A; Vũ Văn T6 - Phạm Thị T5; Bùi Văn N do xây dựng và hình thành sau ngày 01/7/2006 (căn cứ khoản 1 Điều 24 Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh);

+ Bồi thường chi phí di chuyển trong Tỉnh cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1; Đào Hồng T4 - Trương Thị H4.

+ Bồi thường đồng hồ điện, nước.

+ Hỗ trợ tiền thuê nhà 06 tháng tính từ ngày nhận đất ở tại thực địa để tự xây dựng mới cho ông T1 - bà H1 và ông T4 - bà H4 (căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 25 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh);

Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nêu trên; ông (bà) Bùi Văn N có đơn kiến nghị với nội dung đề nghị UBND thành phố xem xét lại giá đất bồi thường, bố trí đất tái định cư cho gia đình ông liên quan đến dự án Trường Mầm non R1; đồng thời, thông tin thời gian giao đất, giá đất tái định cư.

Vào ngày 02/02/2024 và ngày 07/2/2024, UBND thành phố V đã có Văn bản trả lời và hướng dẫn các nội dung kiến nghị của ông (bà) Bùi Văn N. Ngoài ra, trước đó, UBND Thành phố cũng có Văn bản số 9743/UBND-PTQĐ ngày 06/12/2023 trả lời ông Nguyễn liên Q đến nội dung kiến nghị về tăng giá bồi thường đất, bồi thường nhà, vật kiến trúc trên đất thu hồi và giao đất tái định cư.

Không đồng ý với các nội dung trả lời của UBND thành phố V, ông Bùi Văn N khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và yêu cầu:

- Huỷ bỏ một phần đối với Quyết định số 9061/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, Trịnh Văn T2 - Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất), (ông Bùi Văn N là người có liên quan); Huỷ bỏ phần quyết định liên quan đến Bùi Văn N

- Đề nghị UBND thành phố V hỗ trợ (đền bù) nhà và các công trình vật kiến trúc trên đất ở số A N, phường R, thành phố V.

- Đề nghị UBND thành phố V hỗ trợ (đền bù) đất tái định cư cho gia đình ông Bùi Văn N hoặc cho gia đình ông được nhận đất tái định cư thuộc phường T hoặc cấp tái định cư cho gia đình ông tại những lô đất mà việc xây dựng Trường Mầm non R1 không sử dụng hết.

- Đề nghị UBND thành phố V xác định lại vị trí đất đối với phần diện tích đất của gia đình ông quản lý sử dụng phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vị trí 3 đường loại 3 của đường N.

- Tăng mức bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất của người dân theo tinh thần đảm bảo dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời, đúng quy định của pháp luật và đúng tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW.

- Hỗ trợ tiền thuê nhà 5 triệu đồng/tháng cho gia đình ông Bùi Văn N và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

3. Quan điểm giải quyết:

* Đối với nội dung yêu cầu hỗ trợ (đền bù) nhà và các công trình vật kiến trúc trên đất ở số A N, phường R, thành phố V:

Như đã nêu tại mục 2 nêu trên thì thời điểm mà ông (bà) Bùi Văn N xây dựng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt trên diện tích đất nông nghiệp vào năm 2010.

Căn cứ Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“Điều 92: Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường sản gắn liền với đất:

1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và các điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.”

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh B quy định:

“Điều 24. Hỗ trợ thiệt hại về nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt khi Nhà nước thu hồi đất mà phải tháo dỡ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt nhưng nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt bị tháo dỡ không đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và không bị lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính thì được xem xét hỗ trợ theo quy định sau:

1. Đối với khu vực đô thị:

a) Hỗ trợ bằng giá trị xây mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt đối với trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

b) Hỗ trợ bằng 80% giá trị xây mới của nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2006.

c) Trường hợp xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2006 không hỗ trợ.

Do đó, việc ông (bà) Bùi Văn N yêu cầu UBND thành phố V hỗ trợ (đền bù) nhà ở và các công trình vật kiến trúc trên đất ở số A N, phường R, thành phố V là không có căn cứ pháp luật để xem xét.

* Đối với nội dung yêu cầu xác định lại vị trí đất là vị trí 3, đường loại 3 của Nơ Trang L và tăng mức giá bồi thường đất:

Ngày 18/3/2024 và ngày 16/4/2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V có các Văn bản số 1456/CNVPĐK -KTĐC; 2245/CNVPĐK ĐKCG. Theo đó, xác định cụ thể, rõ ràng độ rộng hẻm A N, phường R, thành phố V là dưới 4,0m.

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 4 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh B được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh B quy định:

“b) Đối với thửa đất trong hẻm, ngõ xóm (có cạnh tiếp giáp với đường không quy định giá trong bảng giá đất):

Vị trí đất trong hẻm, ngõ xóm phụ thuộc vào các yếu tố sau:

- Chiều rộng hẻm, ngõ xóm;
- Chiều dài hẻm, ngõ xóm là khoảng cách từ thửa đất trong hẻm, ngõ xóm ra đường chính.

- Chiều rộng hẻm, ngõ xóm xác định theo các khoảng rộng sau:

$R \geq 4m$; $1,5m < R < L \leq 200m$; $200m < L \leq 300m$; $L > 300m$.

Vị trí đất trong hẻm, ngõ xóm xác định bắt đầu từ vị trí 2 áp dụng cho những thửa đất nằm ở mặt tiền hẻm, đường ngõ xóm có các yếu tố chiều rộng và chiều dài của hẻm, ngõ xóm thuận lợi nhất. Cụ thể như sau:

- Vị trí 2: Áp dụng cho những thửa đất nằm ở mặt tiền đường hẻm, đường ngõ xóm, có chiều rộng từ 4m trở lên và kéo dài đến 100m tính từ đường chính; vị trí 3 được tính sau mét thứ 100 đến mét thứ 200; vị trí 4 được tính sau mét thứ 200 đến mét thứ 300; vị trí 5 được tính sau mét thứ 300.

- Vị trí 3: Áp dụng đối với thửa đất nằm ở mặt tiền đường hẻm, đường ngõ xóm có chiều rộng lớn hơn 1,5m và nhỏ hơn 4m, kéo dài đến 100m tính từ đường chính; vị trí 4 được tính sau mét thứ 100 đến mét thứ 200; vị trí 5 được tính 5 sau mét thứ 200.

- Vị trí 4: Áp dụng đối với thửa đất nằm ở mặt tiền đường hẻm, đường ngõ xóm có chiều rộng từ 1,5m trở xuống và kéo dài đến mét thứ 100 tính từ đường chính; vị trí 5 được tính sau mét thứ 100.

- Vị trí 5: Áp dụng đối với thửa đất trong các trường hợp còn lại, không thuộc vị trí 1, 2, 3, 4 đã quy định trên đây.

Theo vị trí đất thu hồi của ông Bùi Văn N thì khoảng cách từ tìm thửa đất thu hồi ra đường phố chính là đường N (đường L) khoảng 104,0m.

Từ những nội dung nêu trên thì UBND thành phố V đã xác định vị trí đất tính bồi thường cho ông (bà) Bùi Văn N là vị trí 4, đường loại 3 (đường N) khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án là đúng theo quy định pháp luật.

* Đối với nội dung hỗ trợ (đền bù) đất tái định cư cho gia đình ông Bùi Văn N hoặc cho gia đình ông được nhận đất tái định cư thuộc phường T hoặc cấp tái định cư cho gia đình ông tại những lô đất mà việc xây dựng Trường Mầm non R1 không sử dụng hết và yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà 5.000.000 đồng/tháng cho gia đình ông Bùi Văn N và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật:

Về nội dung hỗ trợ (đền bù) đất tái định cư:

Trường hợp ông Bùi Văn N là thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (không thu hồi đất ở); nhà ở đang sử dụng được xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B thì trường hợp ông Nguyễn K1 đủ điều kiện để bố trí đất tái định cư.

Về nội dung hỗ trợ tiền thuê nhà 05 triệu đồng/tháng: được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh B quy định:

“Điều 25. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở:

“1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải di chuyển chỗ ở do bị Nhà nước thu hồi nhà, đất để ở thuộc diện được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tái định cư hoặc giao đất ở mới theo quy định, trong thời gian chờ nhận bàn giao đất ở, nhà ở tái định cư hoặc chờ giao đất ở mới thì được hỗ trợ tiền thuê nhà theo quy định sau đây:

a) Tại thành phố V là 2.720.000 đồng/hộ/tháng;
.....”.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp ông Nguyễn N3 được UBND thành phố V giao đất ở mới thì được hỗ trợ tiền thuê nhà là 2.720.000 đồng/tháng/hộ theo quy định. Tuy nhiên, ông Nguyễn K1 đủ điều kiện giao đất ở mới nên cũng không được hỗ trợ tiền thuê nhà hàng tháng là không có cơ sở.

UBND thành phố V cung cấp tài liệu, chứng cứ và quan điểm giải quyết như trên để Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu biết, xem xét và giải quyết theo thẩm quyền.

Từ những trình bày trên, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Đào Văn T1 – bà Trịnh Thị H1; ông Đào Hồng T4 bà Trương Thị H4; bà Phạm Thị T5; ông Trịnh Văn T2, ông Phạm Xuân H2 ý kiến:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có diện tích đất cùng chung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Bùi Văn N. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp. Việc ông Bùi Văn N khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu không có ý kiến, không có khiếu nại gì. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 116/2024/HC-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 173, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 84; Điều 86; Điều 91 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 6; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ khoản 2 Điều 3 thông tư 33 ngày 29-9-2017 của Bộ T8; Căn cứ Điều 17; điểm a khoản 1 Điều 25 Quyết định số 19 ngày 23-9- 2022 của UBND tỉnh B.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn N về việc hủy Quyết định số 9042/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi đất.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn N gồm các yêu cầu sau:

- Hủy bỏ một phần đối với Quyết định số 9061/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông (bà) Đào Văn T1 - Trịnh Thị H1, Trịnh Văn T2 – Nguyễn Thị T3, Đào Hồng T4 - Trương Thị H4, Phạm Xuân H2 - Bùi Lan A, bà Phạm Thị T5 và những người thừa kế hợp pháp theo quy định pháp luật của ông Vũ Văn T6 (đồng sử dụng đất) (ông Phạm Xuân H2 là người có liên quan). Hủy bỏ phần quyết định liên quan đến Bùi Văn N. Cụ thể hủy mục a Điều 1 liên quan đến đơn giá nông nghiệp và đơn giá đất ở; xác định vị trí đất thu hồi theo vị trí 3, đường loại 3 của đường N.

- Bồi thường về nhà và vật kiến trúc trên đất khu thu hồi của ông N. - Buộc UBND thành phố V hỗ trợ tiền thuê nhà, chuyển đổi nghề nghiệp là 5.000.000 đồng/tháng cho ông Bùi Văn N.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V giao 01 lô đất ở cho gia đình ông N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Bùi Văn N bà Bùi Lan A kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn K trình bày: Theo yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện thì người khởi kiện xác định rõ là không đồng ý với việc Ủy ban nhân dân thành phố V không giải quyết bồi thường, hỗ trợ bằng lô đất khác tương đương so với miếng đất của ông Bùi Văn N đang sử dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bồi thường, hỗ trợ cho ông Bùi Văn N đối với miếng đất bị thu hồi bằng một lô đất khác và áp dụng theo khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B và Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh B. Trường hợp ông Bùi Văn N hiện tại Nhà nước chỉ có bồi thường bằng tiền chỉ chưa đến 200.000.000 đồng và ông Nguyễn đề N4 áp dụng khoản 5, Điều 1 Quyết định số 15 của UBND tỉnh B thì đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất ở nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở bị thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê nhà ở và giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thì được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Ông Nguyễn T7 trường hợp có thể được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Ông Nguyễn hoàn C khó khăn, nhà ở và đất ở bị giải tỏa, đang bị tâm thần có hồ sơ bệnh án. Trường hợp của ông N có thể được áp dụng tương tự vì trong quá trình giải tỏa có 02 trường hợp khác đã được nhận đền bù bằng một lô đất ở. Hiện tại phía người khởi kiện chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét các quy định của pháp luật và áp dụng như các trường hợp tương tự ông Nguyễn Đ1 giải quyết cho ông Nguyễn M lô đất. Còn các tài sản còn lại trên đất thì phía người khởi kiện không yêu cầu xem xét nữa bởi vì trường hợp ông Nguyễn R neo đơn. Người khởi kiện rút lại một phần yêu cầu kháng cáo đối với các phần khác, chỉ kháng cáo yêu cầu UBND xem xét giải quyết được xem xét một nền tái định cư.

Bà Bùi Lan A trình bày: Đất đó từ trước đến nay bà L1 và ông Nguyễn Đ2 thuê đất ở đô thị. Đối với trường hợp ông Nguyễn L2 có nhà, đang bị bệnh tâm thần khi quay lại thì không có nhà ở. Ông Nguyễn C1 cuộc sống ổn định từ năm 2010 đến nay, hộ khẩu, điện nước đều đứng tên của ông N. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh của ông Nguyễn V1 hoàn cảnh của ông Nguyễn Q1 khó khăn.

Ông Vũ Hoàng T trình bày: Đối với yêu cầu của người khởi kiện đề nghị bồi thường, hỗ trợ tái định cư chỗ ở mới thì căn cứ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B và Quyết định số

15/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh B thì ông Nguyễn K1 thuộc đối tượng được hỗ trợ tái định cư. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn N đã rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu bồi thường nhà, vật kiến trúc, hỗ trợ tiền giải tỏa mất nhà, chỉ còn yêu cầu kháng cáo là yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố V giao cho một lô đất mới cho ông N. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo đối với những yêu cầu này là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này. Còn riêng đối với yêu cầu nhà ở, cấp nhà mới thì đất của ông N sử dụng là đất trồng cây lâu năm, theo xác minh của Công an phường R thì hộ ông Nguyễn K1 đăng ký tạm trú tại địa phương. Ngày 26/10/2022, ông N đã làm thủ tục chuyển khẩu đến địa chỉ 20/12 Chợ C2, T, L, thành phố Hải Phòng và cư trú tại đây nên căn cứ khoản 4 Điều 4 Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B thì gia đình ông Nguyễn K1 đủ điều kiện cấp đất mới. Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của người kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định số 9061/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V là đúng quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[4] Về thời hiệu: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 116 Luật Tố tụng hành chính xác định Quyết định trên còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

[5] Về việc xác định người đại diện hợp pháp:

[5.1] Tại phiên toà phúc thẩm bà Bùi Lan A (được Toà án cấp sơ thẩm xác định là người đại diện theo uỷ quyền của ông Bùi Văn N) khai: Ông Bùi Văn N đã và đang bị bệnh tâm thần từ năm 2020 đến nay, hiện nay đang điều trị bệnh.

[5.2] Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện thừa nhận thủ tục uỷ quyền tại Văn phòng C3 được thực hiện từ xa, không có mặt người nhận uỷ quyền là bà Bùi Lan A và ông Trần Văn K trước mặt Công chứng viên.

[5.3] Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện thừa nhận tại thời điểm khởi kiện và lập hợp đồng uỷ quyền ông Bùi Văn N lúc tỉnh lúc bệnh.

[6] Xét căn cứ [5.1] [5.2] [5.3] tại thời điểm khởi kiện ông Bùi Văn N đã và đang bị bệnh tâm thần, thủ tục lập hợp đồng uỷ quyền không đúng quy định pháp luật. Thế nhưng Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận tư cách đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Lan A và ông Trần Văn K là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ về cho Toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

Do bản án sơ thẩm bị huỷ về thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét về nội dung vụ án.

[7] Về án phí:

Án phí hành chính phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1. Huỷ toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 116/2024/HC-ST ngày 05/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Chuyển hồ sơ vụ án Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Văn N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Trả lại cho ông Bùi Văn N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000675 ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

Án phí hành chính sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND tỉnh TP.HCM; (1)
- THADS TP.HCM; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (5)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên